

Bản án số: 09/2019/HS-ST
Ngày: 24 - 01 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Hồng Vân

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Từ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Xuân Thanh, ông Hồ Viết T, ông Trần Huy Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 167/2018/TLST- HS ngày 01 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo:

Trần Văn H; giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 29 tháng 4 năm 1960; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Xóm 6, xã Q, Thị xã H, tỉnh Nghệ An; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Trình độ văn H: 10/10; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Con ông: Trần Văn C (chết) và bà Nguyễn Thị H (chết); Anh, chị em ruột: Có 05 người (H là con thứ 3 trong gia đình); vợ: Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1962; con: Có 07 người con (con lớn sinh năm 1980, nhỏ sinh năm 1997); Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/01/2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn H: Ông Nguyễn Hữu S, Công ty Luật Vĩnh An, Đoàn luật sư tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- Bị hại:

1. Anh Vũ Văn B và Hồ Thị H; nơi ĐKHKT: Khối 16, phường Q, thị xã

H, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

2. Anh Nguyễn Văn M; sinh năm: 1963; nơi ĐKHKT: xóm Đ, xã Q, thị xã H, Nghệ An. Có mặt.

3. Anh Lê Bá B; sinh năm: 1965. Vắng mặt.

Ủy quyền cho vợ là chị Lê Thị Ph. Có mặt.

Nơi cư trú: xóm R, xã Q, thị xã H, Nghệ An.

4. Anh Lê Hội H; sinh năm: 1980; nơi ĐKHKT: xóm T, xã Q, thị xã H, Nghệ An. Có mặt.

5. Anh Nguyễn Văn Đ; sinh năm: 1976; nơi ĐKHKT: xóm Đ, xã Q, thị xã H, Nghệ An. Có mặt.

6. Anh Nguyễn Văn Th. Vắng mặt.

Chị Hoàng Thị L. Có mặt.

Nơi ĐKHKT và chỗ ở: xóm Đ, xã Q, thị xã H, Nghệ An.

7. Anh Trần Xuân A. Vắng mặt.

Chị Nguyễn Thị Th. Có mặt.

Nơi cư trú: xóm Đ, xã Q, thị xã H, Nghệ An.

8. Chị Trần Thị V. Có mặt

Anh Trần Văn S. Vắng mặt

Nơi ĐKHKT: xóm Đ, xã Q, thị xã H, Nghệ An.

9. Bà Nguyễn Thị Th và Anh Lê Văn S; nơi cư trú: Xóm Đ, xã Q, thị xã H, Nghệ An. Vắng mặt.

10. Anh Mai Văn Th. Vắng mặt.

Chị Lê Thị L. Có mặt.

Nơi cư trú: xóm Đ, xã Q, thị xã H, Nghệ An.

11. Chị Hoàng Thị H. Có mặt.

Anh Lê Văn Th. Vắng mặt.

Nơi cư trú: xóm T, xã Q, thị xã H, Nghệ An.

12. Chị Lê Thị K và anh Mai Văn T; nơi cư trú: xóm Đ, xã Q, thị xã H, Nghệ An. Vắng mặt.

Ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1963, trú tại xóm Đ, xã Q, thị xã H, Nghệ An. Có mặt.

13. Chị Nguyễn Thị Q. Có mặt

Anh Hoàng Văn H. Vắng mặt.

Nơi cư trú: xóm T, xã Q, thị xã H, Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. *Vụ thứ nhất:* Vào khoảng giữa tháng 7/2014, Trần Văn H đến nhà ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1960, trú tại khối 3, phường Q, Thị xã H, Nghệ An chơi. Tại đây, Trần Văn H nói với ông Nguyễn Đình T "Thị xã H mới thành lập, đang thiếu người làm việc cho thị xã, tôi có thể xin việc được cho con, cháu". Lúc đó có chị Vũ Thị H, sinh năm 1991, trú tại khối 16, phường Q, Thị xã H, Nghệ An đang học thêm nghiệp vụ kế toán tại nhà ông T. Nghe Trần Văn H nói vậy, ông T nói với chị H. Thấy vậy, Trần Văn H hỏi chị H học nghề gì, chị H trả lời là học Trường Học viện tài chính Hà Nội, khoa Tài chính kế toán. Trần Văn H nói với chị H "Nếu cháu muốn xin việc thì về làm hồ sơ cho bác để bác gửi xin việc cho, xin vào làm tại phòng tài chính của UBND thị xã H". Chị H gọi điện thoại về trao đổi với bố để là ông Vũ Văn B, sinh năm 1967, trú tại khối 16, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An. Đến ngày 25/7/2014, Trần Văn H đến nhà ông T, nhờ ông T dẫn đến nhà ông Vũ Văn B để trao đổi, bàn bạc về vấn đề xin việc cho chị Vũ Thị H. Trần Văn H giới thiệu mình có mối quan hệ quen biết rộng với các lãnh đạo trên tỉnh, có thể xin được cho con gái ông B vào làm việc tại phòng tài chính - kế hoạch UBND thị xã H, H đã xin được cho một vài trường hợp rồi, chi phí hết khoảng 240.000.000 đồng. Ông B đồng ý nhờ Trần Văn H xin việc cho chị Vũ Thị H và đặt cọc trước 40.000.000 đồng, Trần Văn H viết giấy biên nhận tiền giao cho ông Vũ Văn B và cam kết trong vòng 10 ngày nếu không được thì sẽ trả lại tiền. Khoảng 05 ngày sau, Trần Văn H gọi điện thông báo cho ông B việc của cháu chắc chắn được, chuẩn bị tư thế mà đi làm. Để tạo lòng tin, Trần Văn H đã 02 lần dẫn bố con ông B vào thành phố V nói là để giới thiệu gặp người xin việc cho chị H, nhưng thực chất chỉ đi giải quyết công việc riêng của H. Đến tháng 12/2014, Trần Văn H gọi điện cho ông B nói công việc đã ổn thỏa rồi, chờ ngày đi làm thôi và yêu cầu ông B đưa thêm số tiền còn lại để H lo công việc. Ngày 15/12/2014, ông B cùng vợ là bà Hồ Thị H, sinh năm 1966 mang 200.000.000 đồng đến nhà giao cho Trần Văn H; Trần Văn H viết giấy biên nhận tiền giao cho ông Vũ Văn B. Sau khi nhận được tiền, Trần Văn H không xin việc làm cho chị Vũ Thị H như đã hứa hẹn, mà chi tiêu hết tiền vào mục đích cá nhân. Ông B đã nhiều lần tìm đến Trần Văn H để đòi lại tiền, Trần Văn H cứ hứa hẹn không chịu trả lại. Ngày 06/12/2015, Trần Văn H viết giấy biên nhận vay tiền của ông Vũ Văn B, nội dung thể hiện Trần Văn H vay của ông B 02 lần với tổng số tiền 240.000.000 đồng hẹn đến ngày 15/01/2016 sẽ trả lại. Tuy nhiên đến ngày 16/01/2016, Trần Văn H không trả mà

viết tiếp giấy biên nhận nợ thể hiện việc Trần Văn H nợ ông Vũ Văn B 240.000.000 đồng đưa cho ông Vũ Văn B ký xác nhận. Sau khi bị ông B tố cáo Trần Văn H đã ghi thêm nội dung vào giấy nhận nợ ngày 16/01/2016 thể hiện việc Trần Văn H đã trả lại cho ông Vũ Văn B 240.000.000 đồng rồi nộp cho Cơ quan CSĐT Công an thị xã H và trình bày đã trả lại đầy đủ số tiền trên cho ông B.

Tại kết luận giám định số 477/C54-P5 ngày 05/02/2018 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Các chữ viết: "Trả nợ" ở dòng chữ viết 02; "Trả" ở dòng chữ viết 03; "Và Trả nợ" ở dòng chữ viết 06; "Và nhận Tiền Trả nợ đầy đủ" ở các dòng chữ viết 07 và 08 tính từ trên xuống trên Giấy biên nhận trả nợ ngày 16/01/2016 là các chữ được viết thêm. Quá trình điều tra, Trần Văn H thừa nhận việc viết thêm vào giấy nhận nợ của mình là nhằm mục đích đối phó với cơ quan pháp luật. Như vậy, Trần Văn H đã chiếm đoạt của ông Vũ Văn B tổng số tiền 240.000.000 đồng.

Về dân sự: Ông Vũ Văn B yêu cầu Trần Văn H trả lại số tiền 240.000.000 đồng.

2. *Vụ thứ hai:* Do có mối quan hệ bạn bè làm ăn với nhau, Trần Văn H thường xuyên qua lại với ông Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1961, thường trú tại xóm H, xã Q, thị xã H. Khoảng tháng 5/2014, Trần Văn H đến nhà ông Nguyễn Hữu Q chơi, ông Q có trao đổi với H về việc Chính phủ sắp ban hành chính sách hỗ trợ cho ngư dân vay vốn ưu đãi để đóng tàu cá đánh bắt xa bờ và hỏi H có quen ai trên tỉnh có thể lo được cho dân vay vốn ưu đãi hay không, H trả lời là có, để đó tôi hỏi cụ thể cho. Sau đó Trần Văn H có tìm hiểu và được biết xã Q là địa phương nằm trong diện được vay vốn ưu đãi đóng tàu cá cho ngư dân theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2017 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản.

Khoảng tháng 7/2014, Trần Văn H tiếp tục đến nhà ông Nguyễn Hữu Q. Ông Q gọi điện thoại cho anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1963, trú tại xóm Đ và anh Lê Bá B, sinh năm 1965, trú tại xóm Ròng, xã Q, thị xã H đến nhà ông Q gặp H để bàn bạc việc nhờ chạy dự án vay vốn ưu đãi đóng tàu cá theo Nghị định 67/CP. H đưa ra thông tin mình là Giám đốc công ty trồng rừng, có quan hệ quen biết rộng, là anh em kết nghĩa với đồng chí Phó Chủ tịch tỉnh; khẳng định chắc chắn sẽ chạy được thủ tục vay vốn ưu đãi để đóng tàu. Trần Văn H yêu cầu mỗi người phải đặt cọc 30.000.000 đồng và nếu chạy được dự án thì H sẽ được hưởng 3% hoa hồng tổng kinh phí dự án. Anh M và anh B đã tin tưởng đồng ý nhờ H chạy thủ tục vay vốn đóng tàu. Ngày 25/7/2014, anh Nguyễn Văn M và Lê Bá B mỗi người mang 15.000.000 đồng đến nhà ông Nguyễn Hữu Q để nộp

cho Trần Văn H. Ngày 04/8/2014, anh Lê Bá B tiếp tục giao thêm cho Trần Văn H 10.000.000 VND.

Ngày 12/8/2014, Trần Văn H đến nhà ông Nguyễn Hữu Q, ông Q gọi điện thoại cho anh Lê Hội H, sinh năm 1980, thường trú tại xóm T, xã Q, Thị xã H đến nhà ông Q để gặp H. Trần Văn H tiếp tục đưa ra thông tin mình là giám đốc công ty, có quan hệ quen biết rộng với lãnh đạo trên tỉnh và khẳng định chắc chắn chạy được dự án đóng tàu cá theo Nghị định 67/CP. H yêu cầu anh H đặt cọc 30.000.000 VND và nếu chạy được dự án thì H sẽ được hưởng 3% hoa hồng kinh phí dự án. Anh H đã tin tưởng, đồng ý nhờ H chạy thủ tục vay vốn đóng tàu; đồng thời nộp cho Trần Văn H 30.000.000 VND tiền đặt cọc.

Khoảng đầu tháng 8/2014, ông Hồ Sỹ L, sinh năm 1962, trú tại xóm Ròng, xã Q, Thị xã H dẫn anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1976, trú tại xóm Đồng Lực, xã Q, Thị xã H đến nhà Trần Văn H ở xã Q, Thị xã H. Anh Đ trình bày nguyện vọng muốn được vay vốn ưu đãi đóng tàu cá theo Nghị định 67/CP. Trần Văn H tiếp tục đưa ra thông tin mình có quan hệ quen biết rộng với lãnh đạo trên tỉnh, có bố là bạn bộ đội với bố đồng chí Phó Chủ tịch tỉnh và khẳng định chắc chắn chạy được dự án đóng tàu cá theo Nghị định 67/CP, hiện H đang chạy cho một số người ở xã Q. H yêu cầu anh Đ đặt cọc 30.000.000 VND và nếu chạy được dự án thì H sẽ được hưởng 5% hoa hồng kinh phí dự án. Anh Đ đã tin tưởng và đồng ý nhờ H chạy thủ tục vay vốn đóng tàu. Ngày 17/8/2014, anh Nguyễn Văn Đ mang 30.000.000 VND đến nhà giao cho Trần Văn H.

Khoảng cuối tháng 8/2014, Trần Văn H nói với các anh M, B, H và Đ là hồ sơ đã về đến UBND thị xã H, nếu muốn làm nhanh thì mỗi người bỏ thêm 1.000.000 VND để bồi dưỡng cho cán bộ thẩm định hồ sơ. Các anh M, B, H và Đ mỗi người nộp 1.000.000 VND cho Trần Văn H bỏ vào bì thư đưa cho anh Phạm Chí D, sinh năm 1969, Trưởng phòng Kinh tế UBND thị xã H. Quá trình điều tra anh D không thừa nhận việc nhận tiền từ Trần Văn H. Bị can Trần Văn H khai nại do không giúp được việc anh D đã trả lại cho H số tiền 4.000.000 VND này.

Khoảng đầu tháng 9/2014, Trần Văn H trao đổi với các anh M, B, H, Đ là hồ sơ thủ tục vay vốn đã xong, nếu muốn được đóng tàu đọt một thì mỗi người phải đưa thêm cho H 50.000.000 VND, nếu không thì phải chờ đến năm 2015 mới được đóng tàu. Các anh M, B, H và Đ đồng ý nhờ H lo để được đóng tàu đọt một và chuyển thêm tiền cho Trần Văn H. Anh Nguyễn Văn M đã chuyển thêm cho Trần Văn H 65.000.000 VND; anh Nguyễn Văn Đ chuyển thêm cho H 30.000.000 VND; ngày 14/9/2014, anh Lê Bá B chuyển thêm cho H 50.000.000 VND; ngày 26/9/2014, anh Lê Hội H chuyển thêm cho H

50.000.000 VND. Trần Văn H viết giấy biên nhận tổng số tiền đã nhận của từng người giao lại cho các bị hại.

Sau khi nhận tiền của các bị hại Trần Văn H gặp ông Hồ Ngọc Th, sinh năm 1957, trú tại khối 2, thị trấn C, huyện Q nhờ người giới thiệu để H gặp lãnh đạo tỉnh. Ông Th đã giới thiệu cho Trần Văn H liên hệ với anh Võ Đức T, sinh năm 1967, thường trú tại Xã Thg, huyện Th, tỉnh Nghệ An là Giám đốc doanh nghiệp xây dựng có mối quan hệ quen biết anh Th. H liên hệ với anh T nhờ giới thiệu để gặp lãnh đạo tỉnh. Theo trình bày của Trần Văn H thì anh T yêu cầu H chuyển 50.000.000 VND cho anh T thì sẽ giới thiệu cho gặp lãnh đạo tỉnh, do anh T đòi nhiều tiền Trần Văn H đã không tiếp tục liên hệ nữa. Tại Cơ quan điều tra anh Võ Đức T không thừa nhận nội dung này mà chỉ thừa nhận Trần Văn H có gọi điện nhưng anh T từ chối việc giới thiệu cho H gặp lãnh đạo tỉnh. Trần Văn H đã không làm thủ tục cho ai được vay vốn ưu đãi đóng tàu cá như đã hứa hẹn, tiêu dùng hết tiền vào mục đích cá nhân. Các cá nhân đã nhiều lần tìm đến H để đòi lại tiền nhưng H khất nợ lần này đến lượt khác. Khoảng tháng 02/2016, Trần Văn H đã trả lại cho anh Nguyễn Văn M và Lê Hội H mỗi người 10.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền mà Trần Văn H đã chiếm đoạt của các anh Nguyễn Văn M, Lê Bá B, Lê Hội H và Nguyễn Văn Đ là 279.000.000 đồng. Trong đó, chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn M là 71.000.000 đồng; anh Lê Bá B là 76.000.000 đồng; anh Lê Hội H là 71.000.000 đồng và anh Nguyễn Văn Đ là 61.000.000 đồng.

Về dân sự: Anh Nguyễn Văn M yêu cầu trả lại 71.000.000 đồng; anh Lê Bá B yêu cầu trả lại 76.000.000 đồng; anh Lê Hội H yêu cầu trả lại 71.000.000 đồng và anh Nguyễn Văn Đ yêu cầu trả lại 61.000.000 đồng.

3. *Vụ thứ ba:* Do có mối quan hệ quen biết với ông Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1966, thường trú tại: Xóm Đ, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An; ngày 09/5/2017. Trần Văn H đến nhà ông Kh chơi và uống rượu, H gặp Nguyễn Văn Th, sinh năm 1988, thường trú tại: xóm Đ, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An (con trai ông Kh) và Trần Xuân A, sinh năm 1986, thường trú tại: xóm Đ, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An (con rể ông Kh). Trần Văn H hỏi Th và Anh "Các cháu không làm gì, không đi đâu à?", Th trả lời "Bọn cháu giờ chưa biết đi đâu". Trần Văn H nói "Bác có chỗ quen làm đi Hàn Quốc, các cháu có đi không để bác làm cho mà đi", Th nói là để cháu nghiên cứu đã. Ngày hôm sau, Trần Văn H gọi điện cho anh Th hỏi "Các cháu đã nghiên cứu, có ý định đi chưa?", Th nói với H ra nhà Th để trao đổi cụ thể vì có một số người cũng muốn đi và hỏi H về thủ tục giấy tờ. H nói với Th càng đông người càng dễ đi, cứ đưa trước hộ chiếu cho H.

Ngày 11/5/2017, Trần Văn H thuê xe taxi của chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1979, trú tại khối B, phường Q, thị xã H chở H đến nhà anh Nguyễn Văn Th. H gặp 09 người, gồm: Nguyễn Văn Th cùng vợ là Hoàng Thị L, sinh năm 1993; Trần Xuân A; Trần Văn S, sinh năm 1990; Lê Văn S, sinh năm 1996; Mai Văn Th, sinh năm 1982 cùng vợ là Lê Thị L, sinh năm 1988, đều trú tại xóm Đ, xã Q, thị xã H; Lê Văn Th, sinh năm 1990 cùng vợ là Hoàng Thị H, sinh năm 1996, trú tại xóm T, xã Q, thị xã H. Trần Văn H đưa ra thông tin có thể làm được thủ tục đi du lịch Hàn Quốc, đi Hàn Quốc dễ hơn đi Hà Nội, trước đây đã từng làm được cho nhiều người đi rồi, bác là chỗ quen biết với bố của Th, các cháu cứ yên tâm, ai có nhu cầu thì bác làm cho mà đi, nếu không đi được sẽ hoàn trả lại tiền không thiếu một nghìn. Sau đó Trần Văn H yêu cầu 06 người: Nguyễn Văn Th, Trần Xuân A, Trần Văn S, Lê Văn S, Mai Văn Th và Lê Văn Th nộp hộ chiếu cho H và ra về. Hôm sau, Trần Văn H gọi điện cho anh Th nói "Coi giờ anh em đi mỗi người phải đặt cọc tiền cho bác để bác làm thủ tục giấy tờ", anh Th hỏi đặt trước bao nhiêu, thì H trả lời "đặt tiền bao nhiêu cũng được". Khoảng vài ngày sau, anh Th gọi điện cho H nói là đã có tiền rồi, H nói "có gì sáng mai ra bác lấy, đi Vinh làm luôn".

Ngày 17/5/2017, Trần Văn H tiếp tục thuê xe chị Ngọc chở ra nhà anh Th, H yêu cầu mỗi người phải nộp trước 20.000.000 VND, đồng thời cử anh Nguyễn Văn Th và anh Trần Xuân A đứng ra đại diện thu tiền, hồ sơ nộp cho H. Anh Th nói với H "giờ sáu người đưa trước cho bác tám mươi triệu để bác làm giấy tờ", H đồng ý. Anh Th giao cho H 80.000.000 VND, H viết giấy biên nhận giao lại cho anh Th. Ngày hôm sau, anh Th gọi điện cho H hỏi "có mấy anh em họ muốn đi, có đi thêm được nữa không bác?", H nói "càng đông người càng dễ đi, không có vấn đề gì đâu, mai một bác đưa hồ sơ cho anh em để ký".

Ngày 19/5/2017, Trần Văn H thuê xe chị Ngọc chở ra nhà anh Th, lúc này có thêm anh Mai Văn T, sinh năm 1983, trú tại xóm Đ và anh Hoàng Văn H, sinh năm 1984, trú tại xóm T, xã Q, thị xã H đang có nhu cầu làm hồ sơ đi Hàn Quốc. Tại đây, Trần Văn H yêu cầu 08 người phải đặt cọc trước 160.000.000 đồng, anh Th đưa thêm cho H 40.000.000 đồng, H viết giấy biên nhận giao lại cho anh Th; đồng thời yêu cầu 08 người photô hộ khẩu, chứng minh nhân dân, bìa đất của gia đình nộp cho H. Trần Văn H cam kết cuối tháng 6/2017 sẽ làm được thủ tục cho 08 người đi Hàn Quốc. Cũng trong thời gian này, Trần Văn H vào Công ty Phúc Grup có địa chỉ tại số 65, đường Phan Bội Châu, thành phố V, Nghệ An để tìm hiểu về quy trình, thủ tục đưa người đi du lịch Hàn Quốc và được nhân viên công ty hướng dẫn: ngoài các thủ tục, giấy tờ theo quy định, các cá nhân phải có tài sản đảm bảo hoặc công ty Hồng Thiện Lộc Nghệ An phải bảo lãnh cho nhân viên. Trần Văn H đã tìm gặp một người đàn ông khoảng 40

tuổi gần khu vực Sở Giao thông vận tải tỉnh Nghệ An nhờ làm giả các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Xuân A, Lê Văn Th, Mai Văn T, Mai Văn Th và Nguyễn Văn Th với giá 40.000 VND mỗi giấy (Trần Văn H khai không biết tên tuổi và địa chỉ cụ thể).

Ngày 27/5/2017, Trần Văn H thuê xe chị Ngọc chở ra nhà anh Th, H tiếp tục yêu cầu 08 người phải nộp số tiền đặt cọc là 240.000.000 VND, anh Th và Xuân A đưa thêm cho H 120.000.000 VND, H soạn sẵn 03 giấy biên nhận thể hiện đã nhận của anh Nguyễn Văn Th và Trần Xuân A với tổng số tiền 240.000.000 VND giao lại cho anh Th và Xuân A; đồng thời soạn sẵn các hợp đồng lao động, quyết định bổ nhiệm nhân viên của công ty cổ phần Hồng Thiện Lộc Nghệ An, H ký với chức danh Tổng giám đốc rồi đưa cho 08 người ký vào. Đến ngày 01/6/2017, Trần Văn H gọi điện yêu cầu anh Trần Xuân A đưa thêm 60.000.000 VND để lo công việc. Ngày 02/6/2017, anh Trần Xuân A đã đưa cho Trần Văn H 60.000.000 đồng, H viết giấy biên nhận giao lại cho anh Xuân A. Sau khi nhận được tiền, lo sợ công ty liên lụy trách nhiệm, nên Trần Văn H không tiếp tục làm thủ tục đưa người đi du lịch Hàn Quốc như đã hứa hẹn, tiêu dùng hết tiền vào mục đích cá nhân. Các cá nhân đã nhiều lần tìm đến H để đòi lại tiền nhưng H khất nợ lần này đến lượt khác đến nay chưa trả lại cho ai.

Như vậy, Trần Văn H đã chiếm đoạt của 08 bị hại với tổng số tiền 300.000.000 VND, trong đó: chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn Th và Trần Xuân A mỗi người 30.000.000 đồng; chiếm đoạt của các anh Trần Văn S, Lê Văn S, Mai Văn Th, Lê Văn Th, Mai Văn T và Hoàng Văn H mỗi người 40.000.000 đồng

Về dân sự: Anh Nguyễn Văn Th yêu cầu trả lại 30.000.000 đồng; anh Trần Xuân A yêu cầu trả lại 30.000.000 đồng; anh Trần Văn S yêu cầu trả lại 40.000.000 đồng; anh Lê Văn S yêu cầu trả lại 40.000.000 đồng; anh Mai Văn Th yêu cầu trả lại 40.000.000 đồng; anh Lê Văn Th yêu cầu trả lại 40.000.000 đồng; anh Mai Văn T yêu cầu trả lại 40.000.000 đồng; anh Hoàng Văn H yêu cầu trả lại 40.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền H chiếm đoạt của 13 bị hại là: 819.000.000 đồng (Tám trăm mười chín triệu đồng).

Vật chứng: Trong quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra thu giữ một số hợp đồng lao động, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả; Giấy biên nhận tiền, giấy vay tiền, giấy cam kết trả nợ chứng minh hành vi phạm tội của bị can

Tại Bản cáo trạng số 193/CT-VKS-P2 ngày 19/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An quyết định truy tố bị cáo Trần Văn H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm p, b, s khoản 1, 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Trần Văn H 08 đến 09 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999, Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Trần Văn H phải hoàn trả 799.000.000 đồng cho những người bị hại mà bị cáo đã chiếm đoạt.

Ngoài ra, xử lý vật chứng và án phí theo quy định pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Văn H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo phạm tội lần đầu, có có nhiều đóng góp, ủng hộ cho phong trào tại địa phương, bản thân bị cáo có 12 năm phục vụ trong quân đội, tham gia chiến đấu tại chiến trường Campuchia, được tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang, bố bị cáo là người có công với cách mạng được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm p, b, s khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự 1999 để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo đồng ý với bài bào chữa của luật sư, không có ý kiến gì tranh luận và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

Những người bị hại yêu cầu Hội đồng xét xử buộc bị cáo Trần Văn H trả lại số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt của họ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nghệ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn H thừa nhận bị cáo là người không có chức năng trong việc tiếp nhận hồ sơ xin việc làm cho người khác cũng như không có chức năng đưa người đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài và làm thủ tục để vay vốn cho các ngư dân theo Nghị định 67/CP của Chính phủ nhưng bị

cáo đã lợi dụng mối quan hệ quen biết, nói dối với nhiều người mình là Giám đốc công ty, có mối quan hệ quen biết rộng với các đồng chí lãnh đạo tỉnh để người khác giao tiền cho bị cáo nhằm mục đích chiếm đoạt tiêu xài cá nhân, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát đã quy kết. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai nhận trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của những người bị hại, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy có đủ căn cứ khẳng định: Trong thời gian từ cuối năm 2015 đến tháng 7 năm 2017 Trần Văn H bằng thủ đoạn gian dối đã chiếm đoạt của 13 người với tổng số tiền là 819.000.000 VND (Tám trăm mười chín triệu đồng). Trong đó: của anh Vũ Văn B và chị Hồ Thị H tổng số tiền 240.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn M là 71.000.000 VND; anh Lê Bá B là 76.000.000 đồng; anh Lê Hội H là 71.000.000 đồng và anh Nguyễn Văn Đ là 61.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn Th và Chị Hoàng Thị L; anh Trần Xuân A và chị Nguyễn Thị Th mỗi gia đình 30.000.000 đồng; anh Trần Văn S và chị Trần Thị V, anh Lê Văn S và bà Nguyễn Thị Th, Mai Văn Th và chị Lê Thị L, Lê Văn Th và chị Hoàng Thị H, Mai Văn T và chị Lê Thị K, anh Hoàng Văn H và chị Nguyễn Thị Q mỗi gia đình 40.000.000 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo Trần Văn H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định điểm a khoản 4 điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 như Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng pháp luật.

[2] Xét về hành vi tính chất phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

Hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo Trần Văn H là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, tác động rất xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội, không những gây hoang mang, bất B trong quần chúng nhân dân mà còn gây sự hiểu lầm của người dân về hoạt động đúng đắn của cơ quan Nhà nước trong việc tuyển dụng, thi tuyển cán bộ, công chức vào làm việc tại cơ quan Nhà nước cũng như trong việc cấp vốn của Chính phủ và làm ảnh hưởng đến uy tín của các tổ chức được giao nhiệm vụ tuyển dụng lao động hợp pháp. Bị cáo bằng thủ đoạn gian dối đã chiếm đoạt tài sản của người khác với giá trị lớn với tổng số tiền là 819.000.000 đồng. Do đó, cần phải có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo nhằm có tác dụng cải tạo riêng và ngăn ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng: Không

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, bản thân bị cáo có 12 năm phục vụ trong quân đội, tham gia chiến đấu tại chiến trường Campuchia, được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ

vẻ vang hạng nhì; BCH Trung ương Hội cựu chiến binh Việt Nam tặng kỷ niệm chương, có nhiều đóng góp được địa phương ghi nhận; bố đẻ được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất, gia đình bị cáo khắc phục cho một số gia đình bị hại số tiền 20.000.000 đồng là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p, s khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 cần xem xét, áp dụng khi quyết định hình phạt, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội. Bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 nên cần áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999 để xử cho bị cáo được hưởng một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, những người bị hại có mặt, vắng mặt nhưng có yêu cầu tại hồ sơ yêu cầu bị cáo Trần Văn H phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt như sau:

- Ông Vũ Văn B và Hồ Thị H yêu cầu bị cáo Trần Văn H phải trả lại số tiền 240.000.000 đồng.

- Anh Nguyễn Văn M yêu cầu bị cáo Trần Văn H phải trả lại số tiền 61.000.000 đồng;

- Anh Lê Bá B yêu cầu bị cáo Trần Văn H phải trả lại số tiền 76.000.000 đồng

- Anh Lê Hội H yêu cầu bị cáo Trần Văn H phải trả lại số tiền 61.000.000 đồng

- Anh Nguyễn Văn Đ yêu cầu bị cáo Trần Văn H phải trả lại số tiền 61.000.000 đồng

- Anh Nguyễn Văn Th và Chị Hoàng Thị L yêu cầu bị cáo Trần Văn H phải trả lại số tiền 30.000.000 đồng

- Anh Trần Xuân A và chị Nguyễn Thị Th yêu cầu bị cáo Trần Văn H phải trả lại số tiền 30.000.000 đồng

- Chị Trần Thị V và Anh Trần Văn S yêu cầu bị cáo Trần Văn H phải trả lại số tiền 40.000.000 đồng

- Bà Nguyễn Thị Th và Anh Lê Văn S yêu cầu bị cáo Trần Văn H phải trả lại số tiền 40.000.000 đồng, đã trả 5.000.000 đồng, nay yêu cầu số tiền 35.000.000 đồng.

- Anh Mai Văn Th và chị Lê Thị L yêu cầu bị cáo Trần Văn H phải trả lại số tiền 40.000.000 đồng, đã trả 5.000.000 đồng, nay yêu cầu số tiền 35.000.000 đồng.

- Chị Hoàng Thị H và anh Lê Văn Th yêu cầu bị cáo Trần Văn H phải trả

lại số tiền 40.000.000 đồng

- Chị Lê Thị K và anh Mai Văn T yêu cầu bị cáo Trần Văn H phải trả lại số tiền 40.000.000 đồng, đã trả 10.000.000 đồng, nay yêu cầu số tiền 30.000.000 đồng.

- Chị Nguyễn Thị Q và anh Hoàng Văn H yêu cầu bị cáo Trần Văn H phải trả lại số tiền 40.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử thấy rằng, số tiền những người bị hại yêu cầu bị cáo H phải trả là số tiền thực tế bị cáo đã chiếm đoạt, phù hợp với lời khai của bị cáo, lời khai và yêu cầu của những người bị hại trong giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa. Đây là yêu cầu hợp pháp và có căn cứ, do đó cần áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999, Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Trần Văn H hoàn trả toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho những người bị hại.

Vật chứng vụ án: Các giấy biên nhận tiền là bằng chứng phạm tội nên lưu hồ sơ vụ án

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo hiện tại không có tài sản gì và đang phải có trách nhiệm trả nợ cho những người bị hại nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về án phí: Bị cáo Trần Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Trong vụ án này Cơ quan điều tra đã thu giữ được 05 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Xuân A, Lê Văn Th, Mai Văn T, Mai Văn Th và Nguyễn Văn Th do Trần Văn H nhờ người đàn ông khoảng 40 tuổi H gặp ở gần khu vực Sở giao thông vận tải tỉnh Nghệ An làm giả trong quá trình nhận tiền để chạy cho các bị hại đi làm việc tại Hàn Quốc bằng hình thức du lịch. Xét thấy có dấu hiệu “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Cơ quan điều tra đang tiếp tục xác minh để làm rõ, khi có căn cứ sẽ khởi tố điều tra, xét xử bằng một vụ án khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trong quá trình điều tra vụ án, Cơ quan điều tra còn nhận được đơn tố giác của 05 người, gồm: Anh Hà Văn Kh, chị Nguyễn Thị Phương Th, chị Lê Thị H, chị Lê Thị H, chị Nguyễn Thị Th tố cáo Trần Văn H lừa đảo chiếm đoạt số tiền 194.847.000 đồng. Qua xác minh, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nghệ An xét thấy không có dấu hiệu của tội phạm nên đã thông báo hướng dẫn các nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án để được giải quyết trong một vụ kiện dân sự khác, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139, điểm p, s khoản 1, 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999

Xử phạt bị cáo Trần Văn H 10 (Mười) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 31/01/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999, Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Trần Văn H trả lại cho những người bị hại số tiền cụ thể như sau:

1. Ông Vũ Văn B và bà Hồ Thị H; Địa chỉ: Khối 16, phường Q, thị xã H, Nghệ An số tiền 240.000.000 (Hai trăm bốn mươi triệu) đồng;

2. Anh Nguyễn Văn M; Địa chỉ: xóm Đ, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An số tiền 61.000.000 (Sáu mươi một triệu) đồng;

3. Anh Lê Bá B; địa chỉ: xóm Ròng, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An, số tiền 76.000.000 (Bảy mươi sáu triệu) đồng;

4. Anh Lê Hội H; Địa chỉ: xóm T, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An, số tiền 61.000.000 (Sáu mươi một triệu) đồng;

5. Anh Nguyễn Văn Đ; Địa chỉ: xóm Đ, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An, số tiền 61.000.000 (Sáu mươi một triệu) đồng;

6. Anh Nguyễn Văn Th và chị Hoàng Thị L; Địa chỉ: xóm Đ, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An, số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng;

7. Anh Trần Xuân A và chị Nguyễn Thị Th; Địa chỉ: xóm Đ, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An, số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng;

8. Chị Trần Thị V và anh Trần Văn S; Địa chỉ: xóm Đ, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An, số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng;

9. Bà Nguyễn Thị Th và Anh Lê Văn S; Địa chỉ: Xóm Đ, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An, số tiền 35.000.000 (Ba mươi lăm triệu) đồng;

10. Anh Mai Văn Th và chị Lê Thị L; Địa chỉ: xóm Đ, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An, số tiền 35.000.000 (Ba mươi lăm triệu) đồng;

11. Chị Hoàng Thị H và anh Lê Văn Th; Địa chỉ: xóm T, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An, số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng;

12. Chị Lê Thị K và anh Mai Văn T; Địa chỉ: xóm Đ, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An, số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng;

13. Chị Nguyễn Thị Q và anh Hoàng Văn H; Địa chỉ: xóm T, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An, số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng.

Tổng số tiền bị cáo Trần Văn H phải hoàn trả cho những người bị hại nói

trên là 799.000.000 (Bảy trăm chín mươi chín triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về vật chứng vụ án: Các giấy biên nhận tiền là bằng chứng phạm tội nên lưu hồ sơ vụ án.

Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 35.960.000 (Ba mươi lăm triệu, chín trăm sáu mươi ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Trại tạm giam CA tỉnh Nghệ An;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Bị cáo, luật sư;
- UBND xã Q, TX H;
- Lưu: HSVA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Thị Hồng Vân